

CÂU CÁ MÙA THU

(THU ĐIỀU)

Nguyễn Khuyến

I. TÌM HIỂU CHUNG:

1) Tác giả:

a) Cuộc đời:

- Nguyễn Khuyến (1835- 1909), hiệu Quế Sơn, sinh tại Nam Định, lớn lên và sống chủ yếu ở Hà Nam.
- Xuất thân gia đình nhà nho nghèo. Đỗ đầu ba kì thi -> Tam Nguyên Yên Đổ.
- Làm quan hơn mười năm. Phần lớn cuộc đời là dạy học và sống thanh bạch ở quê nhà.
- Là người tài năng, có cốt cách thanh cao, có tấm lòng yêu nước thương dân, từng bày tỏ thái độ kiên quyết không hợp tác với chính quyền thực dân Pháp.

b) Sự nghiệp văn chương:

- Sáng tác chữ Hán, chữ Nôm. Số lượng lớn, hiện còn trên 800 bài gồm thơ, văn, câu đối.
- Nội dung:
 - + Tình yêu quê hương, đất nước, gia đình, bè bạn.
 - + Phản ánh cuộc sống của những con người khổ cực, thuần hậu, chất phác.
 - + Châm biếm, đả kích thực dân xâm lược. Bộc lộ tấm lòng ưu ái đối với dân, với nước.
- Đóng góp nổi bật của Nguyễn Khuyến là ở mảng thơ Nôm, thơ viết về làng quê, thơ trào phúng.

2. Tác phẩm

- Xuất xứ: nằm trong chùm 3 bài thơ thu “Thu điều” – “Thu vịnh” – “Thu ẩm”.
- Đề tài: mùa thu – một đề tài quen thuộc.
- Hoàn cảnh sáng tác: Nguyễn Khuyến đã cáo quan về ở ẩn.
- Thể thơ: thất ngôn bát cú Đường luật.

II. ĐỌC- HIỂU:

1/ Hai câu đề: Khung cảnh mùa thu.

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,

Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.

*Điểm nhìn: -> Từ điểm nhìn ấy, không gian, cảnh sắc mùa thu mở ra theo nhiều hướng thật sinh động (với hình ảnh vừa đối lập vừa cân đối, hài hòa).

-Hình ảnh:

-Ao thu:

+ Lạnh lẽo: đặc tả khí lạnh của mùa thu.

+ Nước trong veo: tuyệt đối độ trong của nước.

-> Vần “eo”-> cái lạnh, sự ngưng đọng, nhỏ hẹp -> của không gian.

-Thuyền câu một: lẻ loi, đơn chiếc.

bé -> tẻo teo-> cực tả độ nhỏ.

-> Quen thuộc, bình dị, điển hình cho làng quê Bắc Bộ-> Không khí dịu nhẹ, thanh sơ của cảnh vật.

2/ Hai câu thực: Những chuyển động nhẹ nhàng của mùa thu:

Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo

-Hình ảnh:

-Sóng biếc-> Gọi hình ảnh nhưng đồng thời gọi được cả màu sắc, đó là sắc xanh dịu nhẹ và mát mẻ.

-Lá vàng -> hình ảnh và màu sắc đặc trưng của mùa thu.

-Sự chuyển động:

+Hơi gợn tí -> chuyển động rất nhẹ->chăm chú quan sát.

+ Khẽ đưa vèo -> chuyển động rất nhẹ rất khẽ

-> Cảm nhận sâu sắc và tinh tế.

-NT:

+Phép đối lập -> nổi bật sự tĩnh lặng của không gian mùa thu.

+Lấy động tả tĩnh.

3/ Hai câu luận: Bầu trời và không gian làng quê:

Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.

-Bầu trời: xanh ngắt->trong trẻo, thanh nhẹ.

mây lơ lửng->chuyển động nhẹ.

-Ngõ trúc quanh co.

Khách vắng teo.

-> Gọi sự thanh vắng, tĩnh lặng của không gian làng quê.

->Đối lập -> nổi bật vẻ đẹp bình dị nhưng tĩnh lặng và đượm buồn của cảnh thu.

=> Vẻ đẹp bức tranh mùa thu điển hình cho nông thôn đồng bằng Bắc Bộ: thanh tĩnh, hài hòa, gần gũi, với nghệ thuật vừa cổ điển, vừa chân thật-> tình yêu thiên nhiên của nhà thơ.

4/ Hai câu kết: Tâm trạng của nhà thơ:

Tựa gối buông cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

-Tư thế : “tựa gối->người đi câu như thu mình lại trong dáng vẻ trầm lặng với những suy tư.

-Hành động: “ buông cần” -> thả lỏng, không chú tâm vào việc câu cá.

-“Cá đâu đớp động dưới chân bèo”-> tiếng động duy nhất rất nhỏ.

+ “Đâu” đâu có-> phủ định -> đâu có cá.

đâu đó-> khẳng định -> Cá đớp mồi đâu đó.

->Lấy động tả tĩnh: cái tĩnh bao trùm lại được gọi lên từ một tiếng động rất nhỏ - tiếng cá đớp mồi.

- Tâm trạng của nhà thơ:
- Tĩnh lặng đến tuyệt đối.
- Nỗi cô quạnh, uẩn khúc
- Tâm trạng thời thế.

=> Tấm lòng yêu nước thầm kín của tác giả.

III. Tổng kết:

*Nghệ thuật:

- Tả cảnh đặc sắc -> bài thơ như một bức tranh thủy mặc
- Ngôn từ giản dị, trong sáng có khả năng biểu đạt những biểu hiện khá tinh tế của cảnh vật, những uẩn khúc thầm kín khó giải bày của tâm trạng.
- Vận “eo”- tử vận -> được tác giả sử dụng rất tài tình-> diễn tả không gian dần thu nhỏ, vắng lặng, hợp với tâm trạng đầy uẩn khúc của tác giả.
- Lấy động tả tĩnh, tả cảnh ngụ tình.

* Nội dung:

- Vẻ đẹp của quê hương, làng cảnh Việt Nam.
- Tình yêu quê hương, đất nước, tâm sự thầm kín của nhà thơ.

THƯƠNG VỢ

Trần Tế Xương

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

- Trần Tế Xương (1870 – 1907), thường gọi là Tú Xương.
- Quê ở tỉnh Nam Định.
- Gia đình nhà nho nghèo, sống ở thành thị vào buổi giao thời của lịch sử.
- Tú Xương chỉ sống 37 năm và chỉ đỗ tú tài nhưng sự nghiệp thơ ca của ông đã trở thành bất tử.
- Số lượng khoảng trên 100 bài, chủ yếu là thơ Nôm và một số bài văn tế, phú, câu đối.
- Sáng tác của ông gồm hai mảng: trào phúng và trữ tình, đều bắt nguồn từ tâm huyết của nhà thơ với dân, với nước, với đời.

2. Tác phẩm:

- Bà Tú – Phạm Thị Mẫn – người vợ hiền thực tảo tần thương yêu chồng con
- Bài thơ thể hiện tình thương vợ sâu sắc và qua đó bộc lộ nhân cách của Tế Xương.
- Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.

II. Đọc – hiểu văn bản:

1. Hình ảnh bà Tú qua nỗi lòng thương vợ của ông Tú: (6 câu đầu)

a. Giới thiệu không gian, thời gian và công việc của bà Tú.

- “Quanh năm buôn bán ở mom sông”

(thời gian) (công việc) (địa điểm)

=> Thời gian: suốt cả năm, từ năm này qua năm khác, không kể mưa hay nắng.

=> Địa điểm: chèo vênh, nơi người làng chài tụ tập buôn bán. Đây là không gian nguy hiểm.

-> Cả thời gian và không gian như làm nặng thêm nỗi lam lũ, vất vả và nguy hiểm của bà Tú.

-Câu 2: cách nói hóm hỉnh: nhà thơ đặt vị trí của mình sau những đứa con, tự xem mình là gánh nặng cho vợ -> nâng cao vai trò của bà Tú.

-“Nuôi đủ”: không thừa, không thiếu, phần nào người đọc hiểu được gia cảnh của gia đình ông Tú.

=> Bà Tú nuôi 6 miệng ăn với gánh nặng gia đình.

b. Nỗi vất vả cực nhọc của Bà Tú:

-Nghệ thuật đối rất chuẩn : câu 3 >< câu 4

-Đảo ngữ:

+ “Lặn lội”: gợi hình ảnh con người vất vả phải đôn đáo chạy ngược chạy xuôi

+ “Eo sèo”: kì kèo kêu ca phàn nàn 1 cách khó chịu.

-Vận dụng sáng tạo hình ảnh con cò trong ca dao: “thân cò” để cụ thể hóa thân phận bà Tú.

- “Khi quãng vắng- buổi đò đông” đây là hình ảnh giàu sức gợi, thời điểm mà bao nhiêu khó khăn nguy hiểm đang chờ bà Tú.

=> Vì miếng cơm manh áo gia đình, vì 6 miệng ăn mà bà Tú phải lặn lội vất vả ngược xuôi.

c. Nét đẹp trong tính cách của bà Tú:

-Đối rất chuẩn: câu 5 >< câu 6

- “Một duyên hai ...dám quản công”

+ Duyên thì một mà nợ thì hai nhưng bà Tú không một lời phàn nàn, lặng lẽ chấp nhận sự vất vả vì chồng con.

+ Đành phận (thân cò): số phận, định mệnh cả kiếp người nên phải chịu, phải chấp nhận, phải trả.

+ Sử dụng thành ngữ dân gian :

“Một duyên hai nợ ; Năm nắng mười mưa”

-> Bà Tú là người giàu đức hi sinh, vì chồng vì con phải chấp nhận tất cả khổ cực của cuộc sống hằng ngày.

=> Thái độ của tác giả xúc động, biêt ơn vợ trước tình cảnh đó.

2. Tâm sự của nhà thơ:

- Tiếng chửi đầy bất hạnh, tác giả chửi “thói đời” cũng là chửi chính mình.
 - “Thói đời”: phong tục, định kiến của xã hội, vì định kiến của xã hội mà ông “ăn ở bạc”bạc bẽo với vợ không thể giúp đỡ vợ.
 - “ Hờ hững” là không hề quan tâm đến vợ, sống vô tâm. Tác giả nói “ hờ hững” nhưng không hề hờ hững bởi tác giả thấu hiểu nỗi vất vả của vợ.
- => Tác giả là một người biết nhận lỗi, đó là nhân cách cao đẹp của nhà thơ.

III. Tổng kết:

1.Nội dung: Với tình cảm yêu thương, quý trọng, tác giả đã ghi lại một cách xúc động, chân thực hình ảnh người vợ tần tảo, giàu đức hi sinh.

2.Nghệ thuật:

Thương vợ là bài thơ tiêu biểu cho phong cách trữ tình của Trần Tế Xương: cảm xúc chân thành, lời thơ giản dị mà sâu sắc.

IV. LUYỆN TẬP:

1. Đọc lại 3 bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật đã học, vẽ sơ đồ bố cục và nội dung chính của thể thơ này.
2. Viết đoạn văn mở bài và kết bài cho đề bài sau:
Hãy cảm nhận về tâm sự của Hồ Xuân Hương qua bài Tự tình (2).